

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN

HỌC BỔNG HK1

Khoa Tiếng Nga (năm học 2010

-2011)

(Danh sách kèm theo quyết định số

1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT	ĐR	Mức học bổng	Số tiền
1	Huỳnh Phú nh c Mai	K34.2.90 702. 017	84		240,000	1,200,000
2	Nguyễn a Hữu Đăn g	K36.2.85 702. 009	72		240,000	1,200,000
3	Võ Thị Hồn g	K36.3.20 702. 017	73		240,000	1,200,000
4	Đỗ Thị Tha nh	K36.3.15 702. 028	95		240,000	1,200,000
5	Hà Đỗ Tha nh	K36.3.20 702. 030	77		240,000	1,200,000
6	Hoà Tran ng g Thị Hồn g	K36.2.90 702. 037	95		240,000	1,200,000
7	Nguyễn g Ngọ c Mĩ nh	K36.2.80 702. 038	85		240,000	1,200,000
8	Phạm Tuy ến Lê Kim	K36.2.65 702. 045	79		240,000	1,200,000
9	Nguyễn Hà Thị Thu	K35.7.74 702. 005	89		240,000	1,200,000
10	Đoàn Phư n ợng Thị	K35.7.38 702. 010	92		240,000	1,200,000

	Kim			
11	Lê Thả	K35.7.59 82	240,0	1,20
	Thị o	702.	00	0,00
	Thu	012		0
12	Hồ Na	K35.7.22 84	240,0	1,20
	Lê	702.	00	0,00
		014		0
13	Tiêu Thiệ	K33.8.39 84	300,0	1,50
	Thị n	702.	00	0,00
	Tha	026		0
	nh			
14	Ngu Thú	K33.7.85 84	240,0	1,20
	yễn y	702.	00	0,00
	Thị	028		0
	Thu			
15	Ngu Tran	K33.7.61 84	240,0	1,20
	yễn g	702.	00	0,00
	Thị	032		0
	Min			
	h			
16	Ngu Yên	K33.7.70 92	240,0	1,20
	yễn	702.	00	0,00
	Hoà	038		0
	ng			
17	Ngu Dun	K32.7.39 90	240,0	1,20
	yễn g	702.	00	0,00
	Thị	006		0
	Thù			
	y			
18	Huỳ Kha	K32.7.68 98	240,0	1,20
	nh nh	702.	00	0,00
	Thị	015		0
	Hồn			
	g			
19	Dươ Mậ	K32.7.71 84	240,0	1,20
	ng	702.	00	0,00
	Thị	017		0
20	TrầnNga	K32.7.60 98	240,0	1,20
	Thị	702,	00	0,00
	Thu	018		0
21	Lê Trâ	K32.8.13 84	300,0	1,50
	Dan	702.	00	0,00
	h	032		0
	Bảo			
22	Ngu Tùn	K32.8.03 94	300,0	1,50
	yễn g	702.	00	0,00
	Tha	034		0
	nh			
23	Phạ Thả	K36.2.50 79	240,0	1,20
	m T o	752.	00	0,00

	hụy	012		0
	Tha			
	nh			
24	Ngu Thả	K36.2.55 93	240,0	1,20
	yễn o	752.	00	0,00
	Thị	013		0
	Tha			
	nh			
25	Trần Tho	K36.3.15 85	240,0	1,20
	Kim a	752.	00	0,00
		014		0
26	Pha Hoa	K36.7.76 92	240,0	1,20
	n	752.	00	0,00
	Thị	006		0
27	Ngu Quâ	K36.8.14 94	300,0	1,50
	yễn n	752.	00	0,00
	Hà	011		0
	Cầm			
28	Ngu Thu	K36.8.41 90	300,0	1,50
	yễn	752.	00	0,00
	Thị	013		0
29	Ngu Thô	K36.7.16 84	240,0	1,20
	yễn ng	752.	00	0,00
	Viễn	035		0
30	Trần Thủ	K36.7.84 84	240,0	1,20
	Như y	752.	00	0,00
		037		0
31	Phạ Dun	K32.7.29 84	240,0	1,20
	m g	752.	00	0,00
	Thị	004		0
	Mỹ			